

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2020/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày tháng 7 năm 2020

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Về mức học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập
của tỉnh Hà Nam năm học 2020-2021**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Lao động-Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập của tỉnh Hà Nam năm học 2020-2021; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập của tỉnh Hà Nam năm học 2020-2021, như sau:

1. Mức thu học phí

1.1. Đối với thành phố Phủ Lý:

- Khu vực thành thị: Gồm các phường của thành phố.
- Khu vực nông thôn: Gồm các xã còn lại.

Học sinh có hộ khẩu thuộc khu vực nào thì đóng học phí theo khu vực đó.

a) Giáo dục mầm non:

- + Khu vực thành thị: 120.000 đồng/tháng/học sinh.
- + Khu vực nông thôn: 65.000 đồng/tháng/học sinh.

b) Trung học cơ sở :

- + Khu vực thành thị : 90.000 đồng/tháng/học sinh.
- + Khu vực nông thôn: 55.000 đồng/tháng/học sinh.

c) Trung học phổ thông (THPT):

- + Khu vực thành thị : 105.000 đồng/tháng/học sinh.
- + Khu vực nông thôn : 70.000 đồng/tháng/học sinh.

d) Học viên Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp THPT:

- + Khu vực thành thị: 105.000 đồng/tháng/học sinh.
- + Khu vực nông thôn: 70.000 đồng/tháng/học sinh.

1.2. Đối với các huyện, thị xã:

- Khu vực thành thị: Gồm các phường, thị trấn.
- Khu vực nông thôn: Gồm các xã còn lại.

Học sinh có hộ khẩu thuộc khu vực nào thì đóng học phí theo khu vực đó.

a) Giáo dục mầm non:

- + Khu vực thành thị: 110.000 đồng/tháng/học sinh.
- + Khu vực nông thôn: 65.000 đồng/tháng/học sinh.

b) Trung học cơ sở:

- + Khu vực thành thị : 80.000 đồng/tháng/học sinh.
- + Khu vực nông thôn: 55.000 đồng/tháng/học sinh.

c) Trung học phổ thông:

+ Khu vực thành thị: 90.000 đồng/tháng/học sinh.

+ Khu vực nông thôn: 70.000 đồng/tháng/học sinh.

d) Học viên GDTX cấp THPT:

+ Khu vực thành thị: 90.000 đồng/tháng/học sinh.

+ Khu vực nông thôn: 70.000 đồng/tháng/học sinh.

2. Thời gian thu học phí

- Đối với các cơ sở giáo dục phổ thông học phí được thu 9 tháng/năm.

- Đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên, học phí được thu theo số tháng thực học.

- Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu học sinh tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XVIII, kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày tháng năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính; Bộ GD&ĐT;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Phạm Sỹ Lợi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

Số : /2020/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nam, ngày tháng 7 năm 2020

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Về giá dịch vụ tuyển sinh đầu cấp đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh năm 2020 và các năm tiếp theo

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI SÁU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BGDĐT ngày 30/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp xây dựng giá dịch vụ giáo dục đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục đào tạo,

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /6/2020 của UBND tỉnh về mức thu giá dịch vụ tuyển sinh đầu cấp đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập của tỉnh năm 2020 và các năm tiếp theo; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh Hà Nam và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu giá dịch vụ tuyển sinh đầu cấp đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập của tỉnh năm 2020 và các năm tiếp theo, như sau:

1. Mức giá dịch vụ tuyển sinh đầu cấp năm 2020
 - a) Giá dịch vụ tuyển sinh vào lớp 10 chuyên Biên Hòa
 - Môn chuyên: 60.000đ/môn/thí sinh.
 - Môn không chuyên : 40.000đ/môn/thí sinh.
 - b) Giá dịch vụ tuyển sinh vào lớp 10 không chuyên: 40.000đ/môn/thí sinh.
 - c) Giá dịch vụ phúc khảo bài thi tuyển sinh vào 10: 20.000đ/môn/thí sinh.
 - d) Giá dịch vụ xét tuyển đầu cấp (đối với cơ sở giáo dục không tổ chức thi hoặc đánh giá năng lực): 15.000đ/hồ sơ.
 - e) Giá dịch vụ xét tuyển đầu cấp (đối với cơ sở giáo dục tổ chức kết hợp xét tuyển và đánh giá năng lực): 30.000đ/hồ sơ.
2. Khung giá dịch vụ tuyển sinh đầu cấp năm 2021 và các năm tiếp theo
 - a) Giá dịch vụ tuyển sinh vào lớp 10 chuyên Biên Hòa
 - Môn chuyên: từ 60.000đ đến 150.000đ/môn/thí sinh.

- Môn không chuyên: từ 40.000đ đến 150.000đ/môn/thí sinh.

b) Giá dịch vụ tuyển sinh vào lớp 10 không chuyên: từ 40.000đ đến 64.000đ/môn/thí sinh.

c) Giá dịch vụ phúc khảo bài thi tuyển sinh vào 10: từ 20.000đ đến 75.000đ/môn/thí sinh.

d) Giá dịch vụ xét tuyển đầu cấp (đối với cơ sở giáo dục không tổ chức thi hoặc đánh giá năng lực): từ 15.000đ đến 55.000đ/hồ sơ.

e) Giá dịch vụ xét tuyển đầu cấp (đối với cơ sở giáo dục tổ chức kết hợp xét tuyển và đánh giá năng lực): từ 30.000đ đến 250.000đ/hồ sơ.

3. Mức giá dịch vụ tuyển sinh đầu cấp năm 2021 và các năm tiếp theo

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương đảm bảo lộ trình tính đúng, tính đủ và mức tăng chỉ số giá tiêu dùng hằng năm, UBND tỉnh quy định mức giá cụ thể nhưng không vượt quá khung giá quy định của Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XVIII, kỳ họp thứ mười sáu thông qua ngày /7/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT;
- BTV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT; Tài chính, Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Sỹ Lợi